

BÀI TẬP PHỤ ĐẠO

Khối 7 Năm học 2021 – 2022

Chủ đề: Động vật nguyên sinh

Câu 1. Trùng giày khác với trùng biến hình và trùng roi ở đặc điểm nào?

- A. Có chân giả
- B. Có roi
- C. Có lông bơi
- D. Có diệp lục

Câu 2. Động vật nguyên sinh nào có thể sinh sản tự dưỡng như thực vật?

- A. Trùng roi
- B. Trùng giày
- C. Trùng biến hình
- D. Trùng kiết lị

Câu 3. Nội dung nào dưới đây mô tả đặc điểm của động vật nguyên sinh?

- A. Có kích thước hiển vi, chỉ là một tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống
- B. Có kích thước hiển vi, đa bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống
- C. Có kích thước hiển vi, chỉ là một hoặc hai tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống
- D. Có kích thước hiển vi, đơn bào hoặc đa bào đơn giản nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

Câu 4. Nhóm nào dưới đây gồm toàn những động vật nguyên sinh có chân giả?

- A. Trùng biến hình, trùng sốt rét
- B. Trùng kiết lị, trùng biến hình
- C. Trùng kiết lị, trùng lỗ
- D. Trùng giày, trùng roi

Câu 5. Nội dung nào thể hiện tác hại của động vật nguyên sinh đối với con người?

- A. Là thức ăn cho động vật khác
- B. Chỉ thị môi trường
- C. Chỉ thị địa tầng, góp phần cấu tạo nên vỏ Trái Đất
- D. Kí sinh gây bệnh

Câu 6. Nhóm động vật nguyên sinh nào sau đây sống tự do.

- A. Trùng giày, trùng sốt rét, trùng kiết lị
- B. Trùng roi, trùng kiết lị, trùng giày
- C. Trùng giày, trùng biến hình, trùng roi
- D. Trùng biến hình, trùng sốt rét, trùng kiết lị

Chủ đề: Ruột khoang

Câu 1. Sứ mệnh được con người sử dụng vào mục đích nào dưới đây?

- A. Làm vật trang trí.
- B. Làm thực phẩm.
- C. Làm thuốc.
- D. Làm nguồn cung cấp đá vôi.

Câu 2. Môi trường sống của thủy tức là gì?

- A. Nước ngọt (ao, hồ, sông, suối).
- B. Nước mặn (biển).
- C. Nước lợ (ven bờ biển).
- D. Trên cạn.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây mô tả đặc điểm chung của động vật thuộc ngành Ruột khoang?

- A. Cơ thể đơn bào bậc thấp, đối xứng toả tròn, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, kiểu dinh dưỡng là dị dưỡng.
- B. Cơ thể đa bào bậc thấp, đối xứng hai bên, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, kiểu dinh dưỡng là tự dưỡng.
- C. Cơ thể đa bào bậc thấp, đối xứng hai bên, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, kiểu dinh dưỡng là dị dưỡng.
- D. Cơ thể đa bào bậc thấp, đối xứng toả tròn, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, kiểu dinh dưỡng là dị dưỡng.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây về thủy tức là đúng?

- A. Sinh sản hữu tính bằng cách tiếp hợp.
- B. Sinh sản vô tính bằng cách tạo bào tử.
- C. Sử dụng tế bào gai để đưa thức ăn vào miệng.
- D. Có khả năng tái sinh.

Câu 5. Phương thức dinh dưỡng thường gặp ở ruột khoang là gì?

- A. Quang tự dưỡng
- B. Hoá tự dưỡng.
- C. Ký sinh.
- D. Dị dưỡng.

Câu 6. Những đại diện nào dưới đây thuộc ngành Ruột khoang sống ở biển?

- A. Sứa, thủy tức, hải quỳ.
- B. Sứa, san hô, mực.
- C. Hải quỳ, thủy tức, tôm.
- D. Sứa, san hô, hải quỳ.

Chủ đề: Giun dẹp

Câu 1. Đặc điểm nào dưới đây giúp cho sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh?

- A. Mắt và lông bơi phát triển.
- B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn.
- C. Sán lá gan có giác bám kém phát triển.
- D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

Câu 2. Sán lá máu kí sinh ở đâu?

- A. Máu người.
- B. Ruột non của người.
- C. Cơ bắp trâu bò.
- D. Gan trâu bò.

Câu 3. Biện pháp nào dưới đây KHÔNG ĐƯỢC thực hiện để phòng chống giun dẹp kí sinh?

- A. Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.
- B. Diệt giun sán định kì.
- C. Diệt các vật chủ trung gian.
- D. Ăn uống thực phẩm tùy tiện, chế biến sơ sài.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây có ở vòng đời của sán lá gan?

- A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng.
- B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau.
- C. Sán trưởng thành sẽ kết bào xác vào mùa đông.
- D. Ấu trùng sán có tỉ lệ trở thành sán trưởng thành cao.

Câu 5. Vật chủ trung gian của sán lá gan là loài nào?

- A. Ốc ruộng.
- B. Trâu, bò.
- C. Lợn.
- D. Gà, vịt .

Câu 6. Nơi kí sinh của sán lá gan trong cơ thể trâu bò là ở đâu?

- A. Tim.
- B. Phổi
- C. Ruột non.
- D. Gan.

Chủ đề: Giun tròn

Câu 1. Giun đũa sống ở đâu?

- A. Kí sinh ở cơ bắp trâu bò.
- B. Kí sinh ở ruột non người.
- C. Sống ở đất ẩm.
- D. Kí sinh trong rễ lúa.

Câu 2. Cơ thể giun đũa không bị tiêu hủy bởi enzym tiêu hóa là nhờ có đặc điểm nào?

- A. Nhờ có lớp kitin
- B. Nhờ có lớp cuticun.
- C. Nhờ có lớp đá vôi.
- D. Nhờ có lớp biểu bì.

Câu 3. Thứ tự các cơ quan, giun đũa đi qua trong vòng đời là

- A. Gan → tim → ruột non → phổi.
- B. Ruột non → gan → tim → phổi → ruột non.
- C. Ruột non → phổi → tim → gan → ruột non.
- D. Gan → ruột non → phổi → tim → ruột non.

Câu 4. Giun móc câu xâm nhập vào cơ thể người bằng cách nào?

- A. Qua da.
- B. Qua đường tiêu hóa
- C. Do muỗi anophen
- D. Qua đường hô hấp

Câu 5. Trong các đặc điểm sau, đâu là điểm giống nhau giữa sán lá gan và giun đũa?

- A. Vòng đời phát triển có nhiều vật chủ trung gian.

- B. Đều kí sinh ở gan, túi mật của trâu bò.
- C. Đều là các sinh vật kí sinh.
- D. Cơ thể đối xứng hai bên.

Câu 6. Biện pháp nào sau đây đúng để phòng ngừa nhiễm giun sán?

- A. Thường xuyên lau chùi bàn ghế, nhà cửa.
- B. Thường xuyên thay quần áo.
- C. Rửa tay sạch trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.
- D. Không đi chân đất.

Chủ đề: Giun đốt

Câu 1. Biện pháp nào sau đây đúng để phòng ngừa nhiễm giun sán?

- A. Cơ thể phân nhiều đốt
- B. Mỗi đốt có vòng tơ
- C. Phần đuôi có hậu môn
- D. Hệ tiêu hóa dạng túi

Câu 2. Giun đất hô hấp bằng bộ phận nào?

- A. Da
- B. Mang
- C. Phổi
- D. Túi khí

Câu 3. Giun đất di chuyển như thế nào?

- A. Di chuyển theo kiểu lộn đầu hoặc sâu đo.
- B. Di chuyển theo kiểu cong cơ thể lại và duỗi ra do cơ dọc phát triển.
- C. Di chuyển nhờ sự chun giãn cơ thể kết hợp với các vòng tơ.
- D. Di chuyển nhờ các vòng tơ và cơ dọc phát triển.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây của giun đốt khác với giun tròn?

- A. Có ruột thẳng
- B. Khoang cơ thể chính thức
- C. Cơ thể thuôn, hình trụ
- D. Khoang cơ thể chưa chính thức

Câu 5. Giun đất thường chui lên mặt đất vào những ngày mưa nhiều là vì sao?

- A. Do đất ngập nước.
- B. Thiếu không khí.
- C. Đất bị dính lại
- D. Giun hô hấp qua da, mưa nhiều ngập nước nên thiếu O₂.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây về đĩa là sai?

- A. Ruột tịt cực kì phát triển.
- B. Bơi kiểu lượn sóng.
- C. Sống trong môi trường nước lợ.
- D. Có đời sống kí sinh toàn phần.